



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 05/2026

(27/01/2025 – 02/02/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, dù có rung lắc nhẹ song tuần qua chỉ số BDI vẫn tích lũy thêm 248 điểm (↑13,9%) lên 2.028 điểm. Tổng quan các chỉ số thuê tàu tuần qua như sau: cuối tuần trước Capesize tăng liên tục nhưng lại hụt hơi trong đầu tuần này, nhìn chung vẫn tăng 549 điểm (↑20,9%) lên 3.175 điểm. Panamax duy trì đà ổn định, tổng tăng 112 điểm (↑6,9%) lên 1.724 điểm. Hai phân khúc sau tiếp tục là “đôi bạn cùng tiến”: Supramax tăng 48 điểm (↑4,6%) lên 1.083 điểm; Handysize tăng 25 điểm (↑4,1%) lên 626 điểm. Theo lẽ thường thì tháng Giêng luôn là giai đoạn thị trường bị thử thách do chịu ảnh hưởng bởi dịp Tết nguyên đán ở nhiều quốc gia Châu Á. Tuy nhiên, như ghi nhận tuần trước, trái với quy luật thường thấy thì năm 2026 đã có kịch bản bất phá khi hiện tại cước và chỉ số các phân khúc hầu hết đều được cải thiện so với đầu năm, đặc biệt là hai phân khúc Capesize và Panamax. Trong khi đó, Supramax nhìn chung không thay đổi nhiều và Handysize chỉ giảm nhẹ thể hiện rằng thị trường đang khá ổn định. Dẫu còn phải chờ thị trường hồi phục sau Tết nguyên đán, song đây là một khởi đầu khác biệt và củng cố thêm hật mậm hy vọng cho năm 2026. Sang mảng mua bán tàu, các hoạt động cũng sôi nổi và tốt hơn cùng kỳ năm 2025. Nguồn cung tàu đóng mới vẫn còn hạn chế và thời gian chờ dài nên dòng tiền đầu tư tiếp tục dồn vào việc mua bán tàu giao ngay. Tuần qua nhu cầu mua bán ở mảng tàu Supramax duy trì nhịp độ sôi động. Tàu **Florinda** (58.791 dwt, đóng 2008 xưởng Tsuneishi Cebu, Philippines, DD 09/2026, SS 09/2028) về tay Người mua Trung Quốc với giá khoảng 12,5 triệu đô la Mỹ. Mức này hợp lý nếu so sánh với tàu già hơn một tuổi **The Loving** (58.701 dwt, đóng 2007 cùng xưởng, DD 08/2028, SS 08/2030) được chủ tàu Ấn Độ chốt tuần trước với giá khoảng 11,97 triệu đô la Mỹ. Sang dòng Supramax 55-56k, ghi nhận chủ tàu Hy Lạp bán tàu **Anasa** (55.679 dwt, đóng 2008 Nhật, DD 10/2026, SS 12/2028) với giá khoảng 13,3 triệu đô la Mỹ - mức khá cao. Tàu tương tự **Clara** (56.557 dwt, đóng 2008 Nhật, DD 09/2026, SS 06/2028) được Người mua Trung Quốc chốt với giá rẻ hơn chỉ khoảng 11,8 triệu đô la Mỹ - do máy chính Wartsila. Ở phân khúc Handysize, tàu **Jetstream** (34.563 dwt, đóng 2012 Hàn Quốc, DD/SS 05/2027) được bán với giá khoảng 13,5 triệu đô la Mỹ. Mức này khá hợp lý nếu so với tàu **Union Groove** (35.064 dwt, đóng 2012 Hàn Quốc, DD/SS 01/2027) bán cuối tháng 12/2025 với giá tương tự khoảng 13,8 triệu đô la Mỹ. Chủ tàu Hy Lạp bán tàu **Eurosky** (33.774 dwt, đóng 2011 Trung Quốc, DD/SS 08/2026) với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ. Giá này hơi cao do tàu đóng tại xưởng Hàn Samjin đặt tại Trung Quốc. Điểm sáng cuối cùng là tàu **Amira Rafif** (32.355 dwt, đóng 2004 Nhật, chờ gỗ được, DD 07/2027, SS 07/2029) được bán với giá khoảng 8 triệu đô la Mỹ. Nhờ chủ tàu Hy Lạp bảo quản tàu tốt nên giá tàu **Amira Rafif** khá cao nếu so với tàu trẻ hơn một tuổi **Naline Naree** (31.699 dwt, đóng 2005 Nhật, chờ gỗ được, DD 02/2028, SS 02/2030) về tay Người mua Trung Đông ba tuần trước với giá chỉ khoảng 8,1 triệu đô la Mỹ. Trước đó nữa là tàu **Bao Shun** (33.745 dwt, đóng 2005 Nhật, hầm hàng hộp, DD 04/2028, SS 02/2030) chốt trong tháng 12/2025 với giá khoảng 8,2 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, tuần qua chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tăng nhẹ 41 điểm (↑2,5%) lên 1.672 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng nhích nhẹ thêm 11 điểm (↑1,2%) lên 901 điểm. Cuộc thuê tàu đang chịu ảnh hưởng bởi các biến động địa chính trị liên tục, khối lượng hàng hoá có phần chững lại trước dịp Tết nguyên đán, đồng thời các chủ tàu cũng đang chậm lại để đánh giá thị trường. Sang mảng mua bán tàu, ghi nhận thêm một vài giao dịch VLCC trong tuần qua, không ngạc nhiên khi trong đó có sự đóng góp của Người mua Sinokor Maritime. Công ty Hàn Quốc này đã khuấy động thị trường về lượng và chất khi các tàu VLCC họ mua đều có giá cao hơn nhiều so với các tàu trên thị trường. Tuy nhiên tuần qua khối lượng mua bán tàu MR đã áp đảo hoàn toàn. Một loạt tàu chemical MR 50k dwt đóng 2008 Hàn Quốc đã bán thành công trong tuần qua như sau: Bắt đầu với cặp tàu **Seaways Grace** và **Seaways Madeleine** (49.999 dwt, DD 04-06/2026, SS 02-07/52028) ra đi với giá khoảng 16,75 triệu đô la Mỹ/tàu và dự kiến lên đà trong quý 2 này. Lưu ý rằng, tháng 12/2025 cặp tàu tương tự **Seaways Olive** và **Seaways Star** (49.999 dwt, DD 03-09/2026, SS 03-08/2028) với giá chỉ khoảng 16 triệu đô la Mỹ/tàu và cũng dự kiến lên đà trong năm nay. Tàu **San Remo** (50.750 dwt, DD 08/2026, SS 04/2028) cũng được chốt giá khoảng 16,8 triệu đô la Mỹ. Tàu **Lysias** (49.999 dwt, DD 07/2026, SS 07/2028) được chủ tàu Hy Lạp chuyển nhượng cho Người mua Trung Quốc với giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ. Như vậy, những tàu trên có xu hướng tăng nhẹ 5% so với 2 tháng trước. Chủ tàu Nhật đồng ý bán tàu **Clearocean Marauder** (49.999 dwt, đóng 2021 Hàn Quốc, DD/SS 02/2026) với giá khoảng 42,5 triệu đô la Mỹ, hạn đà cận kề. Mức này không quá cao đối với tàu hiện đại, máy chính eco vốn khan hiếm trên thị trường. Chủ tàu Na Uy bán tàu chemical **UOG Oslo** (46.087 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc) cho Người mua Ấn Độ với giá cao 22,5 triệu đô la Mỹ do tàu vừa qua đà đặc biệt – thiết lập mốc tham chiếu mới cho dòng tàu chemical 46k dwt đóng Hàn Quốc xung quanh 15-16 tuổi

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Irene II	2006	Japan	180,184	21.00	Chinese	DD/SS due 04/2026
Robusto	2006	China	173,949	19.50	Undisclosed	Dely Far East 04-05/2026, scrubber fitted, DD/SS 09/2026
JP Caretta	2008	Japan	88,083	13.60	Chinese	Scrubber fitted, DD due 09/2026, SS 12/2028
Aya	2006	Japan	82,992	10.70	Chinese	DD/SS due 06/2026
Rize	2012	Korea	81,950	17.70	Undisclosed	DD/SS 02/2027
Cretansea	2009	Japan	81,508	15.00	Undisclosed	DD 03/2027, SS 03/2029
Anthea	2006	Japan	76,781	9.70	Undisclosed	DD/SS due 04/2026
Bulk Xaymaca	2006	Japan	76,561	9.35	Undisclosed	DD/SS due 07/2026
Nilos	2006	Japan	75,880	11.80	Far Eastern	DD/SS freshly passed 12/2025, next DD 04/2029, SS 01/2031
Pessada	1999	Japan	75,484	6.10	Undisclosed	Old sale, sold as is, DD/SS 11/2027
Kai Hang Fa Zhan	2018	China	63,472	23.80	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 10/2028, SS 07/2030
Florinda	2008	Tsuneishi Cebu, Philippines	58,791	12.50	Chinese	DD 09/2026, SS 09/2028
Clara	2008	Japan	56,557	11.80	Chinese	M/E Wartsila, DD 09/2026, SS 06/2028

Anasa	2008	Japan	55,679	13.30	Undisclosed	DD due 10/2026, SS 12/2028
Spar Canis	2006	China	53,565	9.00	Chinese	DD/SS due 03/2026
Jetstream	2012	Korea	34,563	13.50	Undisclosed	DD/SS 05/2027
Eurosky	2011	Samjin, China	33,774	11.00	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 08/2026, Greek owners
Amira Rafif	2004	Japan	32,355	8.00	Undisclosed	DD 07/2027, SS 07/2029
TANKERS						
DHT Bauhinia	2007	Korea	301,019	51.50	Chinese	Scrubber fitted, DD/SS 01/2027
Agneta Pallas III	2013	Korea	299,991	90.00	Sinokor Maritime	Scrubber fitted, eco M/E, DD 09/2026, SS 08/2028
Asian Lion	2009	China	297,572	60.00	Greek	Scrubber fitted, DD 07/2027, SS 05/2029
Green Attitude	2018	China	112,532	55.00	Undisclosed	Scrubber fitted, eco M/E, DD 10/2026, SS 10/2028
Athiri	2010	Korea	73,982	25.00	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy coated, DD 10/2028, SS 09/2030
Energy Chancellor	2005	Korea	70,558	11.30	HK-based	Old sale, DD/SS passed 10/2025
San Remo	2008	Korea	50,760	16.80	C3is Inc	Chemical IMO II/III, epoxy coated, DD 08/2026, SS 04/2028
Clearocean Marauder	2021	Korea	49,999	42.50	Indian, GESCO	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, eco M/E, DD/SS due 02/2026, Japanese owners
Seaways Grace	2008	Korea	49,999	16.75	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy coated, DD due 04/2026, SS 02/2028
Seaways Madeleine	2008	Korea	49,999	16.75		Chemical IMO III, epoxy coated, DD due 08/2026, SS 07/2028
Lysias	2008	Korea	49,999	16.50	Chinese	Chemical IMO II, epoxy coated, DD 07/2026, SS 07/2028, Greek owners
NB Lianyungang Wuzhou WZ465	2026	China	49,900	45.00	Asyad Shipping	Resale, scrubber fitted, classed RINA
Clean Fury	2011	Korea	47,203	Undisclosed	C3is Inc	DD/SS due 02/2026, Greek owners
Helen M	2005	Japan	46,843	9.70	Undisclosed	DD/SS passing

UOG Oslo	2010	Korea	46,087	22.50	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD/SS freshly passed, Norwegian owners
CONTAINER						
H Cygnus	2022	China	24,480	34.00	Minerva Marine	1781 teu, 250 reefers, DD/SS 01/2027
Violetta	2007	Deawoo-Mangalia, Romania	22,267			1853 teu, 385 reefers, ice class 1A, DD 05/2028, SS 05/2030
Valentina	2007	Deawoo-Mangalia, Romania	22,263	57.00	MSC	1853 teu, 385 reefers, ice class 1A, DD 06/2028, SS 06/2030
Valentina	2006	Deawoo-Mangalia, Romania	22,229			1853 teu, 385 reefers, ice class 1A, DD/SS due 12/2026
Cape Ferrol	2008	Germany	20,346	Undisclosed	MSC	1440 teu, ice class II, DD due 07/2026, SS 06/2028
Nordic Porto	2011	China	14,230	14.00	Undisclosed	1085 teu, 250 reefers, ice class 1A, DD/SS due 03/2026, German owners
Lila Canada	2006	China	13,797	10.50	MSC	1118 teu, 240 reefers, CR2X40T, ice class 1C, DD/SS due 11/2026

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
	01/2026	1M	3M	6M	12M	

CAPE SIZE

180k dwt	Resale	78.00	0%	0%	3%	3%	63.50
180k dwt	5 tuổi	66.00	0%	2%	5%	6%	48.50
170k dwt	10 tuổi	50.50	0%	1%	10%	17%	34.00
150k dwt	15 tuổi	29.50	0%	7%	9%	11%	21.50

PANAMAX

82k dwt	Resale	39.50	0%	0%	4%	-1%	38.00
82k dwt	5 tuổi	33.00	-3%	2%	8%	-3%	31.50
76k dwt	10 tuổi	26.00	-2%	0%	11%	6%	22.75
74k dwt	15 tuổi	17.00	0%	6%	13%	11%	15.00

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	38.50	-1%	0%	1%	-1%	36.00
58k dwt	5 tuổi	32.00	-6%	1%	5%	-2%	28.00
56k dwt	10 tuổi	24.50	-8%	2%	9%	5%	20.25
52k dwt	15 tuổi	15.75	0%	-2%	9%	7%	14.00

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	34.00	3%	3%	5%	-1%	30.25
37k dwt	5 tuổi	27.00	9%	2%	6%	3%	24.00
32k dwt	10 tuổi	20.25	0%	-1%	7%	7%	16.50
28k dwt	15 tuổi	11.75	0%	-2%	0%	-2%	10.50

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
	01/2026	1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	150.00	1%	1%	2%	1%	119.75
310k dwt	5 tuổi	120.00	2%	2%	3%	5%	92.00
250k dwt	10 tuổi	90.00	2%	2%	3%	6%	66.50
250k dwt	15 tuổi	62.00	5%	7%	7%	15%	47.50

SUEZMAX

160k dwt	Resale	97.50	0%	4%	4%	1%	81.75
150k dwt	5 tuổi	80.00	0%	5%	4%	4%	64.00
150k dwt	10 tuổi	64.00	0%	5%	3%	7%	48.50
150k dwt	15 tuổi	42.00	0%	5%	2%	-7%	30.00

AFRAMAX

110k dwt	Resale	80.00	0%	7%	7%	-2%	68.50
110k dwt	5 tuổi	67.50	0%	8%	8%	1%	54.75
105k dwt	10 tuổi	55.00	0%	10%	10%	6%	41.50
105k dwt	15 tuổi	36.00	0%	6%	6%	-3%	28.00

MR

52k dwt	Resale	53.00	0%	0%	6%	2%	46.25
52k dwt	5 tuổi	43.00	0%	0%	8%	2%	37.00
45k dwt	10 tuổi	33.00	0%	3%	10%	3%	27.50
45k dwt	15 tuổi	19.00	0%	14%	14%	-2%	18.50

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	175,000 cbm	-	4	Jiangdong	Shandong Marine	2028-2029	Employment to Shell
LNG	174,000 cbm	252.00	2	Samsung	J.P.Morgan	End 2028-Early 2029	Price per unit
LNG	174,000 cbm	-	4+2	Hudong	TMS	2028	
VLEC	100,000 cbm	149.30	2	-	Mitsui OSK and ONBC India	End 2028-Early 2029	Price per unit
Tankers	320,000 dwt	18.00	2	New Times	Bruton, Norway	2029	Price per unit, incl an option switch to LNG dual fueling for an additional USD19.00
Tankers	157,000 dwt	87.70	2	Daehan	Advantage Tankers	Jan 2029-May 2029	Price per unit
Tankers	50,000 dwt	44.00	3	GSI	Top Ships, Greece	2028-2029	Price per unit
Tankers	50,000 dwt	-	4	Hyundai Mipo	Laskaridis	FH 2028	
Tankers	50,000 dwt	-	2	GSI	COSCO Shipping Energy Transportation	From 2028	
Tankers	18,000 dwt	37.80	6+6	Swan Defense, India	Stenersen, Norway	From Apr 2028	Price per unit, chemical IMO II, marineline coated
Tankers	13,800 dwt	-	1	Haidong	Global Genesis	Mid 2027	Chemical tanker
Bulkers	82,000 dwt	41.85	2	Wuhu	Shanghai Leading Energy	SH 2028	Price per unit
Containers	6,300 teu	-	4+2	Hengli	Zhonggu Logistics	SH 2028	
Containers	5,900 teu	-	7	Yangzijiang	Evergreen Marine	From 2029	
Containers	5,900 teu	-	16	Huangpu Wenchong	Evergreen Marine	From 2029	
Container	5,000 teu	High 50.00	2+2	Yangzhou Guoyu	MSC	SH 2028	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	01/2026	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	0.00%	0.00%	-5.92%
Panamax (77.000 dwt)	36.5	0.00%	0.00%	-1.35%	-2.01%
Supramax (61.000 dwt)	33.5	0.00%	0.00%	-1.47%	-3.60%
Handysize (37.000 dwt)	29.5	0.00%	0.00%	-1.67%	-3.28%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	01/2026	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.00%	0.00%	-2.29%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	0.00%	-0.58%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	0.00%	-3.27%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	0.00%	-4.59%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

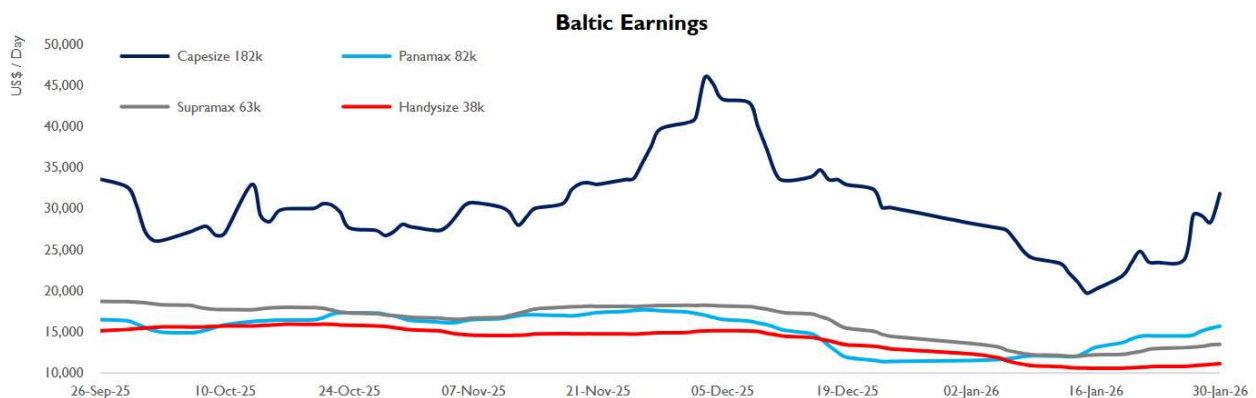
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 13.489 đô la Mỹ, tăng 514 đô la Mỹ so với mức 12.975 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường khu vực Đại Tây Dương vẫn khá trầm lắng, nơi nhu cầu chở hàng tại khu vực Continent - Địa Trung Hải giảm. Khu vực Vịnh Mỹ duy trì điều kiện ổn định và khu vực Nam Đại Tây Dương tiếp tục giao dịch dựa trên vị trí tàu cụ thể, với rất ít nhu cầu thuê mới xuất hiện. Tại châu Á, hoạt động diễn ra tích cực hơn ở khu vực phía Bắc nhờ nhu cầu ổn định từ Bắc Thái Bình Dương và các tuyến backhaul, trong khi khu vực phía Nam vẫn duy trì trạng thái cân bằng hơn. Có thông tin một tàu khoảng 59.000 dwt đã được chốt giao từ Indonesia và trả tàu tại Trung Quốc với mức giá khoảng 9.000 đô la Mỹ. Nhu cầu thuê tàu định hạn là một điểm nhấn đáng chú ý trong tuần, với các bên thuê tàu uy tín tích cực tìm kiếm các tàu hiện đại cho các hợp đồng dài hạn. Hai tàu Ultramax mới đóng, lần lượt bàn giao tại xưởng ở Nhật Bản và Trung Quốc, đã được chốt thuê trong định hạn một năm với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ, làm nổi bật niềm tin được cải thiện vào triển vọng thị trường trong thời gian tới.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 11.124 đô la Mỹ, tăng 331 đô la Mỹ so với mức 10.793 đô la Mỹ của tuần trước. Thời tiết khắc nghiệt trên khắp Đại Tây Dương đã làm gián đoạn hoạt động tại khu vực Nam Âu và Tây Địa Trung Hải, gây ra sự chậm trễ đáng kể và khả năng tắc nghẽn kéo dài trong những tuần tới. Bất chấp sự gián đoạn này, một số giao dịch vẫn được thực hiện, với một tàu khoảng 34.000 dwt được chốt thuê chở lô hàng xi măng từ Thổ Nhĩ Kỳ đi Vịnh Mỹ với giá khoảng 10.000 đô la Mỹ. Danh sách tàu neo tại Vịnh Mỹ vẫn còn dài, mặc dù lượng hỏi thuê ổn định đang giúp thị trường duy trì trạng thái cân bằng trên diện rộng, với các chủ tàu vẫn đang nhắm tới mức cước quanh mức khoảng 14.000 - 17.000 đô la Mỹ cho các chuyến vượt Đại Tây Dương. Trong khi đó, hoạt động xuất khẩu hàng rời từ miền Nam Brazil và Argentina vẫn diễn ra sôi nổi, hỗ trợ mức cước ở mức khoảng 18.000 - dưới 20.000 đô la Mỹ cho các chuyến đi đến châu Âu và Địa Trung Hải. Thị trường Thái Bình Dương khởi sắc nhẹ trong bối cảnh các yêu cầu thuê tàu mới gia tăng và người thuê tàu nâng mức giá chào. Khu vực Viễn Đông dẫn đầu đà tăng trưởng này, mặc dù Bờ Tây Nam Mỹ vẫn là thị trường mạnh nhất tại khu vực Thái Bình Dương.

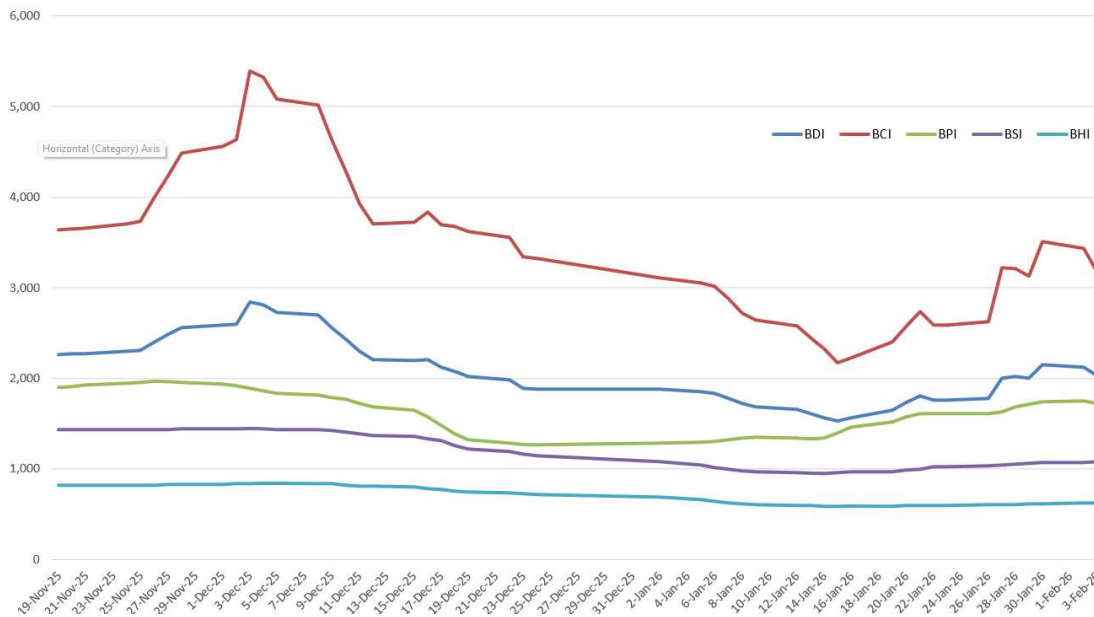
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 02/02/2026

	US\$/ngày	▼/▲
SUPRAMAX	11.455	▲ 514
HANDIES 38K	11.124	▲ 331

(so sánh với giá trị ngày 26/01/2026)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 62,14 đô la Mỹ/thùng – giảm 4,7 % so với giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 66,30 đô la Mỹ/thùng – giảm 4,4%. Theo báo cáo, dầu có phiên giảm mạnh, mất hơn 3 đô la Mỹ ngay trong phiên đầu tuần sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump cho biết Iran đang nghiêm túc đàm phán với Washington. Đây là tín hiệu cho thấy có sự hạ nhiệt căng thẳng giữa Mỹ với Iran - thành viên Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC). Việc Mỹ và Iran sẽ nối lại các cuộc đàm phán hạt nhân đã xoa dịu lo ngại gián đoạn nguồn cung khi trước đó, Tổng thống Mỹ nhiều lần đe dọa can thiệp nếu Iran không chấp nhận một thỏa thuận hạt nhân, hoặc không chấm dứt việc mà Mỹ cho là trấn áp người biểu tình. Các phân tích cho rằng, chính những lời đe dọa này đã khiến giá dầu tăng trong suốt tháng 1 qua. Về nguồn cung, cuộc họp đầu tháng này của OPEC+ đã nhất trí giữ nguyên sản lượng dầu trong tháng 3. Như vậy, nhóm này đã quyết định tạm dừng các kế hoạch tăng sản lượng dự kiến nguyên quý đầu năm nay, nhằm đối phó với tình trạng nhu cầu tiêu thụ suy yếu.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông bước vào giai đoạn trầm lắng khi làn sóng thuê tàu cho các lô hàng trước kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán đã kết thúc. Cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc trong tuần này được chốt ở mức WS 94, đã giảm so với tuần trước. Bên cạnh đó, nguồn cung tàu gia tăng cho lịch trình cuối tháng 2 đã khiến quyền kiểm soát thị trường dần chuyển sang người thuê tàu. Tại khu vực Đại Tây Dương, xu hướng tương tự cũng được ghi nhận khi tuyến Tây Phi/Trung Quốc giảm nhẹ xuống WS 98.		
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)
	Trung Đông/Trung Quốc	94.971	122.518
	USG/Trung Quốc	92.968	92.882

Phân khúc tàu Suezmax

Theo ghi nhận, phân khúc tàu Suezmax tại Tây Phi ghi nhận sự điều chỉnh nhẹ trong tuần do nhiều chủ hàng tạm thời chững lại để đánh giá mặt bằng thị trường. Đơn cử, cước trên tuyến Nigeria/UKC đã giảm xuống WS 156. Mặc dù thị trường có sự hồi phục nhẹ trong ngắn hạn, triển vọng chung vẫn chịu áp lực bởi hoạt động trầm lắng tại khu vực Địa Trung Hải và Biển Đen, với cước cho tuyến CPC/Augusta giảm nhẹ về WS 199.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	71.348	70.223	↓
Guyana / UKC	70.238	70.176	↓

Phân khúc tàu Aframax

Phân khúc tàu Aframax ghi nhận sự ổn định và sôi động đáng kể so với phân khúc tàu lớn hơn. Theo báo cáo, phân khúc này đang được thuê nhiều cho các tuyến nội khu và chuyển ngắn hạn được xem là giải pháp tiết kiệm chi phí thay thế cho các tàu trọng tải lớn, qua đó số lượng tàu có sẵn trở nên khan hiếm. Nhu cầu tương tự cũng được ghi nhận tại Bắc Hải, cước cho tuyến X-UKC tăng khoảng 40 điểm – chốt ở mức WS 232.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	101.085	140.162	↑
Med / Med	97.919	94.528	↓
USG / Cont	92.918	86.875	↓
EC Mex / USG	109.050	113.683	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR tại Tây Bắc Âu ghi nhận hoạt động khan hiếm. Số lượng tàu sẵn sàng tiếp theo khá ít ỏi và chủ tàu hiện đang mong muốn mức cước WS 185. Ngược lại, tại khu vực Địa Trung Hải có nhiều diễn biến khác biệt. Mặc dù thị trường không sôi động nhưng do thời tiết xấu, số lượng tàu vẫn khan hiếm, qua đó đẩy mặt bằng cước lên WS 190 cho tuyến X-Med. Hiện tại, các chủ tàu đang nhắm mức WS 200 cho các giao dịch tiếp theo. Tuy nhiên, một danh sách tàu dự kiến sẵn sàng khoảng nửa đầu tháng tại phía đông Địa Trung Hải, có thể sẽ gây áp lực lên mức cước nếu nhu cầu vẫn tiếp tục ảm đạm. Thị trường tàu Handy tại Tây Bắc Âu có xu hướng trầm lắng khi số lượng tàu kết thúc hợp đồng sớm đã sẵn sàng và nhu cầu hàng hóa ít ỏi. Tuy vậy, cước vẫn có phần ổn định hơn trong tuần qua. Đơn cử, đầu tuần khi số lượng tàu có sẵn giảm, cước cho tuyến X-UKC đã chốt ở mức WS 255 – cao hơn 10 điểm. Ngay sau đó, một lô hàng khác cũng chốt ở mức WS 260.6. Tuy nhiên, cước có phần chững lại khi các tàu kết thúc hợp đồng sớm đang quay về. Dự kiến vào tuần tới, danh sách tàu sẽ được ký kết nhanh chóng vào đầu tuần, giúp mức cước bền vững. Tại Địa Trung Hải, thị trường tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng bởi thời tiết, danh sách tàu có sẵn khan hiếm. Theo ghi nhận, cước vào đầu tuần chốt ở mức WS 240, tuy nhiên có thêm một vài lô hàng xuất hiện và đã đẩy cước lên mức WS 275. Về cuối tuần, việc tìm tàu ngày càng khó khăn, lịch trình bị trì trệ nghiêm

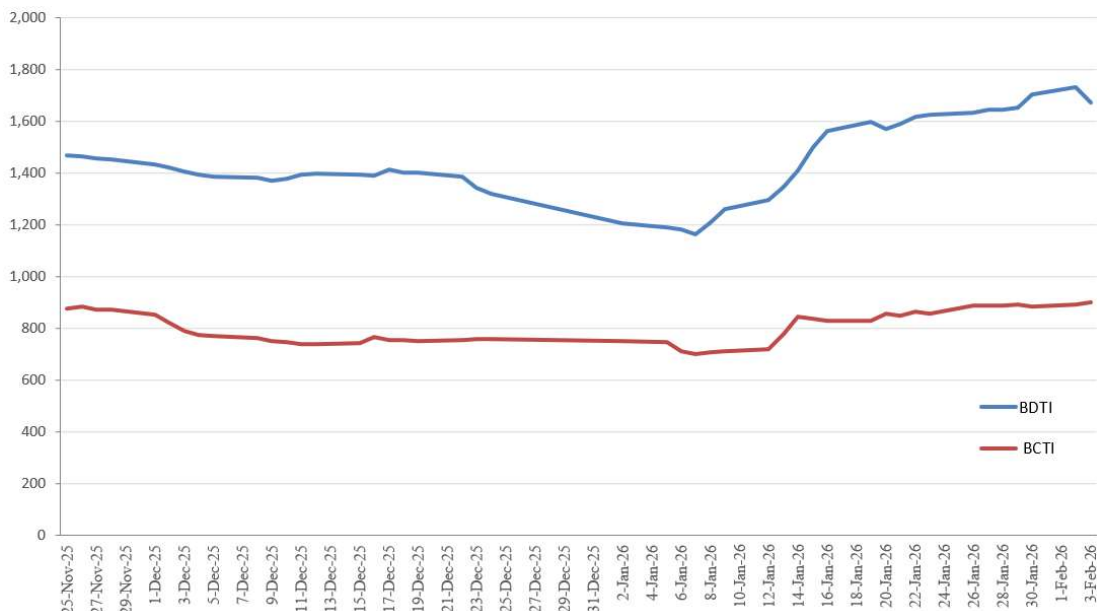
trọng, một lô hàng từ Adriatic đã chốt ở mức WS 297.5 và ngay sau đó mức WS 300 cũng được ghi nhận. Dự kiến thời tiết xấu tiếp tục kéo dài, chủ tàu sẽ tiếp tục đẩy mức cước cao hơn.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Thị trường hóa chất đi khu vực phía Bắc lẫn phía Nam tiếp tục xu hướng trầm lắng khi vẫn chưa có đủ yếu tố xúc tác nào đủ mạnh để tạo biến động rõ rệt. Hoạt động thuê tàu cho các lô hàng nhỏ nhưng hành trình dài vẫn là bài toán nan giải đối với các chủ tàu hóa chất, trong khi đó, các nhà thuê tàu liên tục gây áp lực để chốt các lô hàng 5.000, 10.000, 15.000 đi châu Âu với mức cước tương đương khi thuê tàu MR. Hy vọng duy nhất đối với phân khúc tàu nhỏ là thị trường chờ sản phẩm dầu sạch giữ được sự ổn định, nhằm giữ các phân khúc lớn luôn bận rộn, từ đó hạn chế nguồn cung tàu cho hàng bio và hóa chất cho các tuyến đường dài. Bên cạnh đó, xuất khẩu Sulphuric Acid từ Trung Quốc hiện vẫn đang bị hạn chế, các điểm xuất khẩu chính từ Indonesia (27 – 29 đô la Mỹ/tấn) và Ấn Độ (38 – 41 đô la Mỹ/tấn) trong khi Chile chủ yếu nhập từ Châu Âu. Qua đó, mức thuế đối với hàng dầu cò được kỳ vọng sẽ tăng vào tháng 3, kéo theo giá dầu cò tăng khoảng 70 – 80 đô la Mỹ/tấn. Tuy nhiên, khác với các tháng trước, thị trường hiện không ghi nhận làn sóng thuê tàu để kịp vận đơn tháng 2, dù vậy người thuê tàu vẫn thận trọng trong việc chốt các tàu cho lịch trình tháng 2 này. Tại khu vực Trung Đông, khi tàu sân bay Mỹ cập khu vực Trung Đông, những lo ngại về xung đột quân sự đang gia tăng. Mặt khác, diễn biến cước lại không phản ánh xu hướng này, thị trường lại ghi nhận các chủ tàu chào cước ở mức thấp hơn. Một phần nguyên nhân có thể do tâm lý nhanh chóng muốn đưa tàu đến vùng an toàn. Song, các chủ tàu đang khai thác cho biết hoạt động vẫn diễn ra bình thường. Trong trung hạn, điều này có thể gây áp lực tăng cước, khi các chủ tàu thận trọng rút khỏi khu vực, làm giảm nguồn cung tàu.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 05/2026			Giá thuê tàu định hạn tuần 04/2026		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	61,500	52,500	47,000	59,000	51,500	46,500
SUEZMAX	45,000	36,000	33,000	44,000	35,500	32,000
AFRAMAX	39,500	33,000	30,000	38,500	33,000	29,500
LR-2	39,500	33,000	30,000	39,500	33,000	30,000
LR-1	26,000	24,000	22,000	25,500	24,000	22,000
MR	23,000	20,500	19,000	23,000	20,500	19,000
HANDY	20,000	18,000	17,000	19,500	18,000	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu			Tàu container		
		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲	
1	Pakistan	420			440			450		
2	Bangladesh	410	▲	10	430	▲	10	440	▲	10
3	India	410			430			440		
4	Turkey	270			280			290		

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

KHÔNG GHI NHẬN TÀU PHÁ DỠ TRONG TUẦN 05/2026

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.